TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 365/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 08 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 329/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn",* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 18.8.2001; CCCD số 048201003867 cấp ngày 21.3.2023, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: đường N, phường A, thành phố Đ.

- Bà **Phạm Thị Ngọc M**, sinh ngày 08.01.2004; CCCD số 048304009559 cấp ngày 19.12.2022, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: đường N, phường A, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc M kết hôn vào năm 2023, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đ (nay là phường A, thành phố Đ); Giấy chứng nhận kết hôn số 53, đăng ký ngày 12.6.2023. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc M là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng không còn tình cảm với nhau và mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc M thống nhất

thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc M có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 23.6.2023 và Nguyễn Vũ Hoài N1, sinh ngày 24.11.2024. Ly hôn, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc M thống nhất thỏa thuận giao con Nguyễn Ngọc An N cho bà Phạm Thị Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Vũ Hoài N1 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung của ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc M phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc M xác định không có nên không đề cập đến.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc M xác nhận không nợ gì ai nên không đề cập giải quyết.

[5] Về lệ phí: Người yêu cầu giải quyết dân sự là ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc M.

- *Về con chung:* Công nhận bà Phạm Thị Ngọc M là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 23.6.2023; ông Nguyễn Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Vũ Hoài N1, sinh ngày 24.11.2024 cho đến khi các con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung:* Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc M xác định không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

- *Về nợ chung:* Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc M xác nhận không nợ gì ai nên không đề cập giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc M phải chịu lệ phí giải quyết dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006589 ngày 18.6.2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc M đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Người yêu cầu;*
- *VKSND khu vực 2 - Đ;*
- *Thi hành án dân sự thành phố Đ;*
- *UBND phường A (phường A cũ);*
- *Lưu hồ sơ vụ việc dân sự.*

THẨM PHÁN

Phạm Văn Diện